

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2026/HS-ST

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Xuân Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

2. Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13/08/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2026/TLST- HS ngày 13/07/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST- HS ngày 30/07/2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn L, tên gọi khác: không, sinh năm 1985 tại xã G, tỉnh N; Nơi cư trú: thôn Cây X (nay là thôn Gia Th), xã G, tỉnh N; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD 037085004479; Con ông Trần Văn T và bà Lê Thị Kim Nh (đã chết); Vợ: Bùi Thị M; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: (1) bản án số 13 ngày 03/3/2011 của Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 01/9/2012 chấp hành xong hình phạt; (2) ngày 26/11/2015, Toà án nhân dân huyện Nho Quan ra quyết định số 34 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Ngày 02/12/2017 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo L bị tạm giữ từ ngày 28/4/2026, ngày 06/5/2026 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

2. Nguyễn Văn Nh, tên gọi khác: không, sinh năm 1986 tại xã G, tỉnh N; Nơi cư trú: thôn T (nay là thôn Ng), xã G, tỉnh N; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD 037086005333; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Bùi Thị L (đã ly hôn); Con: có một con, sinh năm 2009; Tiền án: không; Tiền sự: ngày 27/6/2024 Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Ngày 27/11/2025 chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: (1) ngày 07/7/2009, Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 1189 về việc đưa người nghiện ma túy vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Ninh Bình, thời hạn 24 tháng; (2) bản án số 93 ngày 02/6/2011 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xử phạt 48 tháng tù, về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Ngày 30/4/2014 chấp hành xong hình phạt; (3) ngày 24/10/2014, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42, phạt cảnh cáo về hành vi: *“Sử dụng trái phép chất ma túy”*; (4) ngày 08/5/2015, Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 13 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ngày 14/5/2017 chấp hành xong quyết định; (5) bản án số 76 ngày 14/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, xử phạt 15 tháng tù, về tội: *“Trộm cắp tài sản”*. Ngày 27/4/2019 chấp hành xong hình phạt; (6) ngày 20/3/2020, Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định số 06 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ngày 20/02/2022 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo Nh bị tạm giữ từ ngày 28/4/2026, ngày 06/5/2026 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

Bị hại:

1. Ông Lê Công M, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn M, xã H, tỉnh Th (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 2005; nơi cư trú: thôn H, xã G, tỉnh N (vắng mặt).

3. Anh Quách Mạnh T, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn Tr, xã G, tỉnh N (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn G, xã G, tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Nh và Trần Văn L là bạn bè, đều không có nghề nghiệp ổn định. Chiều ngày 25/4/2026, Trần Văn L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên khi gặp Nguyễn Văn Nh tại nhà L, L nói với Nh “*Tối có đi tam mao tý không?*”, ý rủ Nh đi trộm cắp tài sản, Nh nói “*chân tay tao đau như này thì đi làm sao được*”, L nói “*thì đi tam mao để ăn thì ăn, không ăn được thì về*” Nh đồng ý. Khoảng gần 02 giờ ngày 26/4/2026, Nh mang theo 01 chiếc đèn pin (*bằng nhựa, màu đen, dài khoảng 18 cm, hình trụ tròn có đường kính khoảng 03 cm*) rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35AC-059.29 từ nhà ở thôn T, xã G đến nhà Trần Văn L để đón L. Khi đến nhà L ở thôn C, xã G, L nói với Nh “*mày tay đau thì để tao lái xe cho*” rồi L chở Nh đi theo hướng sang xã G, tỉnh N. Trong thời gian rạng sáng ngày 26/4/2026, Nh và L đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tại xã G, tỉnh N, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/4/2026, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35AC-059.29 chở Nh đến nhà ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969, trú tại thôn H, xã G, thấy điện ở sân sáng, L dừng xe, Nh xuống xe và đi bộ vào trong sân, khi vào sân thấy cửa nhà mở, Nh đi vào trong thì thấy anh Lê Công M, sinh năm 1969, có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã H, tỉnh Th (*anh M thuê nhà của ông B để ở*) đang ngủ trên phản ở giữa nhà, trên đầu phản chỗ anh M nằm để chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng. Nh nhẹ nhàng tiến lại gần rồi luồn tay qua màn để lấy chiếc điện thoại của anh M rồi đi ra ngoài, lúc này anh M tỉnh dậy và hô “*trộm, trộm*”, nhưng Nh đã nhanh chóng chạy ra ngoài và lên xe do L điều khiển rồi cả hai đi về hướng nhà văn hoá thôn H. Sau khi lấy được điện thoại, Nh cất vào túi quần bên trái. Trên đường đi L hỏi Nh: “*Có lấy được gì không*”, Nh nói: “*Lấy được cái điện thoại*”.

Vụ thứ 2: Khoảng gần 03 giờ cùng ngày, L điều khiển xe chở Nh đi đến khu vực nhà văn hoá thôn H, Lập dừng xe trước cổng nhà anh Phạm Văn Tr, sinh

năm 2005, trú tại thôn H và đứng ngoài cánh giới, Nh xuống xe thấy cổng đóng, có tường rào bằng cây, giữa tường rào cây và cổng có 1 khoảng trống, nên Nh đi vào trong sân. Khi vào trong sân đến cửa chính là cửa bằng kính, Nh kiểm tra đẩy ra thì thấy cửa không khóa nên Nh mở cửa và đi vào trong nhà. Trong nhà có điện sáng, Nh tìm quanh ở phòng khách nhưng không thấy có tài sản gì, khi vào phòng ngủ thấy phòng không khóa cửa nên đi vào trong, thấy trên giường trong phòng ngủ để chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 promax màu đen và Oppo A58 màu xanh của anh Phạm Văn Tr, Nh đi nhẹ đến gần, dùng tay trái lấy cả 2 chiếc điện thoại di động đang để ở đầu giường và đi ra ngoài. Sau đó Nh bỏ điện thoại vào túi quần bên trái và đi ra gặp L, L hỏi: “*có gì không*”. Nh trả lời: “*có 2 cái điện thoại*”. Sau đó L điều khiển xe chở Nh đi.

Vụ thứ 3: Sau khi thực hiện 2 vụ trộm cắp điện thoại nêu trên, L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Nh đến thôn Tr, xã G để tìm kiếm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi thấy nhà anh Quách Mạnh T, sinh năm 1994, trú tại thôn Tr, sáng đèn, L đứng ngoài cánh giới còn Nh đi bộ vào sân. Nh đi đến cửa chính thấy cửa có cài then nhưng không khoá nên Nh đi vào trong nhà, thấy anh T đang nằm ngủ trên võng, dưới đất là chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng đồng, Nh dùng tay trái lấy chiếc điện thoại rồi đi xung quanh nhà xem còn tài sản gì không nhưng trong nhà không có tài sản gì lấy được nên Nh đi ra ngoài rồi lên xe mô tô do L điều khiển về nhà. Sau khi trộm cắp được 04 chiếc điện thoại nêu trên, L và Nh đi về nhà L, khi về đến nhà L, Nh đưa cho L chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A58, còn 03 chiếc điện thoại (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, 01 điện thoại Iphone 12 promax màu đen, 01 điện thoại Iphone XS màu vàng đồng) Nh giữ.

Ngày 27/4/2026, anh Phạm Văn Tr đến Công an xã G trình báo về việc bị kẻ gian trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 12 Pro max và Oppo A58 và cung cấp và giao nộp 02 video ghi lại một phần diễn biến vụ trộm cắp tài sản tại gia đình. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, ngày 28/4/2026, Nguyễn Văn Nh và Trần Văn L đã đến Công an xã G đầu thú khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của các anh Phạm Văn Tr, Lê Công M và Quách Mạnh T và tự nguyện giao nộp các tài sản trộm cắp được như sau: bị cáo Nh giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda

wave, màu đỏ, biển kiểm soát 35AC-059.29, đều đã qua sử dụng; bị cáo L giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A58, màu xanh, đã qua sử dụng. Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 08/5/2026, anh Lê Công Minh, Quách Mạnh Tuyên đến Công an xã Gia Lâm trình báo về việc bị kẻ gian trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng và điện thoại Iphone XS màu vàng đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 04/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã G xác định 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu đen trị giá là 8.100.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58 màu xanh trị giá 3.690.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Văn Lập và Nguyễn Văn Nhật chiếm đoạt là 11.790.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 15/5/2025 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã G kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng trị giá 5.500.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng đồng trị giá 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh chiếm đoạt trị giá **20.290.000** đồng.

Tại bản kết luận giám định số 2437/KL-KTHS ngày 14/6/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 video anh Phạm Văn Tr giao nộp.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-KV3 ngày 13/07/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình đã truy tố Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình để xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: tuyên bố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 28/04/2026.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 28/04/2026.

- Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo L và bị cáo Nh phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo cho rằng việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời nhận tội của bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ, và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 02 giờ 30 phút đến 03 giờ 30 phút ngày 26/4/2026, tại thôn H và thôn Tr, xã G, bị cáo L và bị cáo Nh đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp 04 chiếc điện thoại di động (bao gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu đen trị giá 8.100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58 màu xanh trị giá 3.690.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng trị giá 5.500.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng đồng trị giá 3.000.000 đồng) của anh Phạm Văn Tr, anh Lê Công M và anh Quách Mạnh T, tổng trị giá tài sản là **20.290.000** đồng.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo L và bị cáo Nh là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L và bị cáo Nh có hành vi trộm cắp 04 chiếc điện thoại của anh Phạm Văn Tr, anh Lê Công M và anh Quách Mạnh T, tổng trị giá là **20.290.000** đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình truy tố bị cáo L và bị cáo Nh là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: trong một thời gian từ 02 giờ 30 phút đến 03 giờ 30 phút ngày 26/4/2026, bị cáo L và bị cáo Nh đã thực hiện 03 lần hành vi trộm cắp điện thoại của anh Phạm Văn Tr, anh Lê Công M và anh Quách Mạnh T thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo L và bị cáo Nh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngày 28/4/2026 đến công an xã G tự giác khai nhận hành vi trộm cắp 04 chiếc điện thoại và tự nguyện giao nộp 04 chiếc điện thoại trộm cắp được cho công an xã G, nên bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: bị cáo L và bị cáo Nh có nhân thân xấu đã bị đưa ra xét xử về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nh còn bị xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*” và cả hai bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tính chất tổ chức, phân công nhiệm vụ, rủ rờ, lôi kéo. Bị cáo L với vai trò khởi xướng rủ bị cáo Nh cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cho bản thân, nên bị cáo L và bị cáo Nh phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình đề nghị xử phạt bị cáo Trần văn L từ 21 tháng đến 24 tháng tù; bị cáo Nh từ 24 tháng đến 27 tháng tù chưa đủ nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội

của các bị cáo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho bản thân, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58 màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản của anh Phạm Văn Tr; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, đã qua sử dụng là tài sản của anh Lê Công M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản của anh Quách Mạnh T. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã trả lại cho anh Tr, anh M và anh T là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 35AC-059.29, bị cáo Nh và bị cáo L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Trần Thị V, sinh năm 1990, trú tại xã G, tỉnh N (*là em gái bị cáo Nh*), bị cáo Nh sử dụng xe trên đi thực hiện hành vi phạm tội, chị V không biết. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã trả lại xe mô tô cho chị V là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: anh Phạm Văn Tr, anh Lê Công M và anh Quách Mạnh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì. Nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án này hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: bị cáo L và bị cáo Nh phải nộp theo qui định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; và Điều 38 Bộ luật hình sự ; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Văn Nh phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt:

Bị cáo Trần Văn L 30 (ba mươi) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/04/2026.

Bị cáo Nguyễn Văn Nh 30 (ba mươi) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/04/2026.

2. Về án phí: bị cáo Trần Văn L và bị cáo Nguyễn Văn Nh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 3 - Ninh Bình;
- Cơ quan Điều tra tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Ninh Bình
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Đinh Xuân Tường